TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100**/2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 20-6-2024
Vv tranh chấp: Xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Trang**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Thanh Bình**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Như Thảo**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho;

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: số 939/1 đường T, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Phước T1**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: số 939/1 đường T, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T và anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phước T1 tự nguyện cưới nhau vào năm 1985 và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, bà và ông T1 sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống,

thường xuyên lời qua tiếng lại. Ông T1 không quan tâm, không chăm sóc gia đình và không giúp đỡ bà trong đời sống hàng ngày. Bà và ông T1 đã sống riêng từ năm 2021 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà cương quyết xin ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có một con chung tên Nguyễn Trần Ngọc T2 sinh ngày 24/7/1985. Con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Phước T1 đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý và không gởi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà T và ông T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/02/1985 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với nguyên đơn Trần Thị Ngọc T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Nguyễn Phước T1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T xin ly hôn với ông T1 vì cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không khắc phục được, vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại, không quan tâm và không giúp đỡ chia sẻ với nhau. Bà T và ông T1 đã sống riêng từ năm 2021 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 vắng mặt và không gởi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T. Điều đó cho thấy, ông T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T và ông T1 có một con chung tên Nguyễn Trần Ngọc T2 sinh ngày 24/7/1985. Con chung đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về chia tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc T.

Bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Phước T1.

Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai số 0005705 ngày 06/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên bà T đã nộp xong án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG ;
- VKSND Tp Mỹ Tho;
- Chi cục THADS Tp. Mỹ Tho;
- UBND xã M1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Thị Mỹ Trang

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.

Võ Thị Kim Loan